

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022.

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Trong năm 2022 tổng doanh thu đạt chỉ tiêu kế hoạch đặt ra. Tuy nhiên một số chỉ tiêu không đạt được kế hoạch do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan đem lại. Tổng doanh thu chưa đạt kế hoạch, kết quả thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích đạt 98% kế hoạch. Lương của lao động đạt thấp so với kế hoạch đặt ra.

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

+ Thuận lợi: Công ty luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự giúp đỡ của các sở, ban ngành, địa phương trong tỉnh về công tác phục vụ sản xuất nông nghiệp và công tác hoạt động của doanh nghiệp.

+ Khó khăn: Diện tích đất nông nghiệp hàng năm giảm do các địa phương chuyển đổi mục đích sang đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, khu công nghiệp, cắt đất giãn dân, Cây vụ đông nhân dân bỏ ruộng canh tác rất nhiều nên doanh thu giảm.

Mức giá thủy lợi từ năm 2013 đến nay nhà nước chưa điều chỉnh, trong khi giá điện, nhiên liệu, vật tư... lương, bảo hiểm của cán bộ công nhân viên lao động hàng năm đều tăng đã gây khó khăn lớn cho việc cân đối thu chi của Công ty.

BẢNG 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu			
a)	Sản lượng 1:			
b)	Sản lượng 2:			
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	76,6546	79,046
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,650	2,685
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		
5	Thuế và các khoản đã nộp nhà nước	Tỷ đồng	0,925	4,6595
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	ha	75.631,4	74.112,58
8	Tổng số lao động	Người	378	358

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	36,93	26,986
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	2,062	1,083
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	34,868	25,903

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đánh giá tình hình thực hiện các dự án: các dự án đầu tư đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục và các quy định của Nhà nước về xây dựng cơ bản, đảm bảo yêu cầu kỹ, mỹ thuật, chất lượng, tiến độ, công tác giám sát thi công các dự án công trình luôn được thường xuyên kiểm tra đáp ứng yêu cầu hồ sơ thiết kế đã duyệt, xong một số dự án công trình công tác giải phóng mặt bằng còn vướng mắc, thiết kế phải điều chỉnh bổ sung nên, tiến độ còn chậm so với kế hoạch đề ra. Do kế hoạch phân bổ vốn đầu năm ít, công tác giải ngân chậm, chủ yếu tập trung vào cuối năm, đặc biệt do đặc thù của công trình thủy lợi vừa thi công vừa phải tưới tiêu phục vụ sản xuất nên một số dự án thi công còn kéo dài, chậm so tiến độ.

BẢNG 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm ...)
1	Kiên cố hóa mặt bờ kênh 11	6,692			5,0	5,0	
2	Nâng cao Bờ Hội, thị trấn Thanh Lăng, huyện Bình Xuyên	3,639			0,321	0,321	
3	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả ngạn đoạn đi qua địa phận xã Duy Phiên và Vân Hội, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	3,495			0,371	0,371	
4	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính tả ngạn đoạn đi qua địa phận thị trấn Tứ Trưng, huyện Vĩnh Tường	5,070			0,499	0,499	
5	Bê tông hóa mặt bờ kênh 6B đoạn đi qua địa phận xã Thượng Trưng và Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường	13,00			0,202	0,202	
6	Bê tông hóa mặt bờ kênh 6B đoạn đi qua địa phận xã Cao Đại và Tân Cương, huyện Vĩnh Tường	7,523			0,336	0,336	
7	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh 6A đoạn đi qua khu vực dân cư thuộc địa phận xã Yên Lập, huyện Vĩnh Tường, đoạn từ K2+668-K3+414(H), K4+920-K5+477(H) và K2+668-	10,432			2,6	2,6	

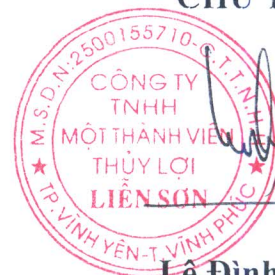
TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm ...)
	K5+468(T)						
8	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả Ngạn đoạn qua địa phận xã Đồng Văn, huyện Yên Lạc và xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường	9,234			2,30	1,943	
9	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả Ngạn Liên Sơn đoạn qua địa phận xã Bình Dương (K26+852-K28+00(T)) và Vũ Di (K28+00-K28+390(T)); (K28+977-K29+666(H)), huyện Vĩnh Tường	6,636			1,7	1,122	
10	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh 6A đoạn đi qua khu vực dân cư thuộc địa phận xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường đoạn từ K1+614 - K2+134(T) và các dốc lên kênh	2,769			0,700	0,564	
11	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả ngạn Liên Sơn đoạn từ thôn Nội Điện đến thôn Yên Thượng, xã An Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	2,814			0,700	0,700	
12	Bê tông hóa mặt bờ kênh chính Tả ngạn đoạn qua địa phận xã Yên Phương và xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc	9,500			2,40	2,40	
13	Cải tạo nâng cấp mặt bờ kênh 7A - Sau Làng, xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường	4,708			1,00	1,00	
14	Cải tạo, nâng cấp mặt bờ kênh N3 đoạn đi qua địa phận xã Hoàng Lâu, huyện Tam Dương	4,359			1,1	0,856	

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của công ty TNHH MTV thủy lợi Liên Sơn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH&ĐT(b/c);
- Chủ tịch Cty;
- Giám đốc Cty;
- Phó giám đốc Cty;
- Lưu KH, Tài vụ, VT.

CHỦ TỊCH



Lê Đình Đăng